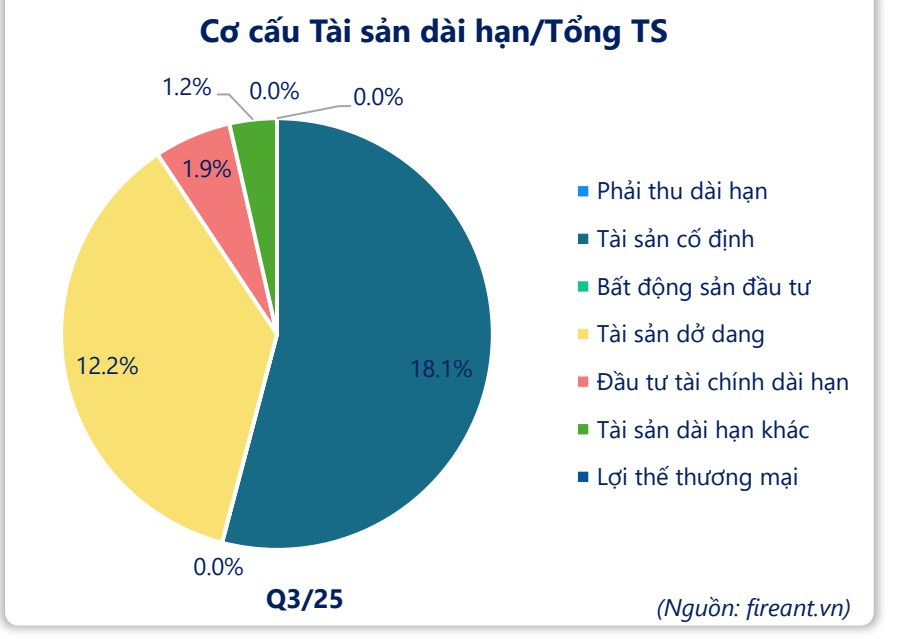
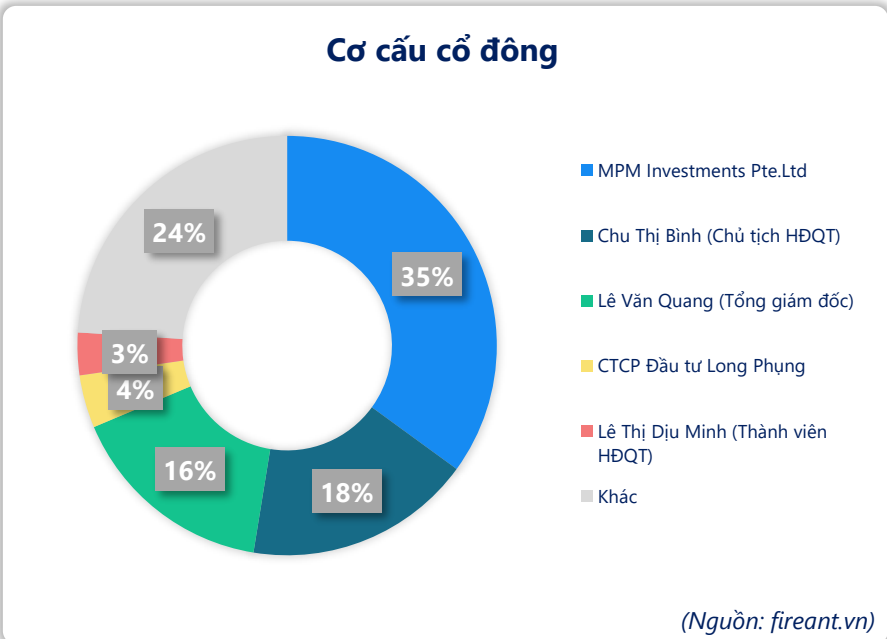
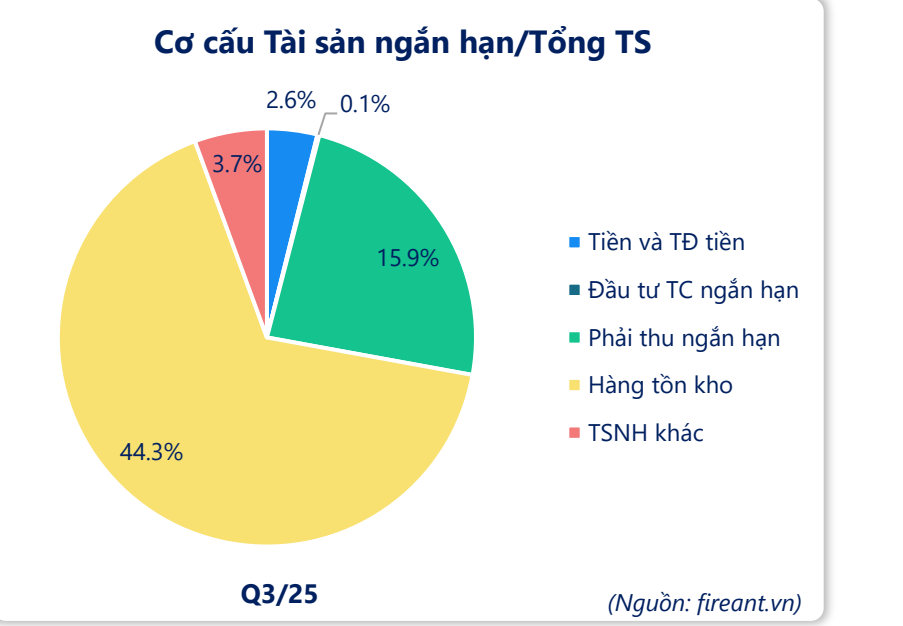
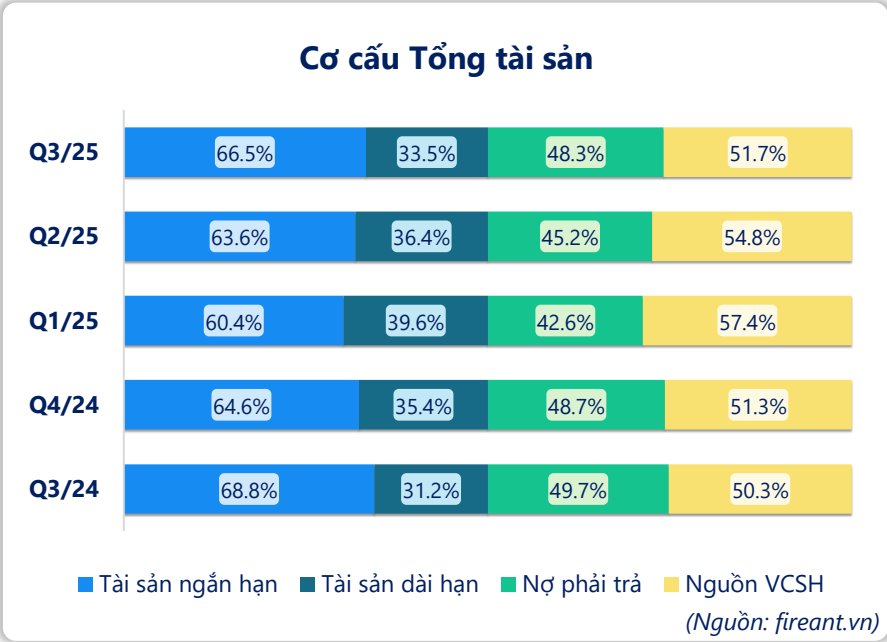
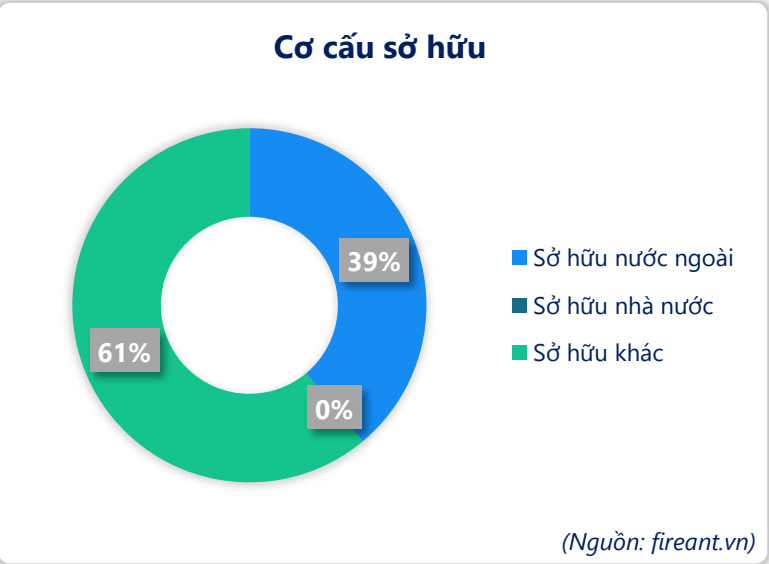
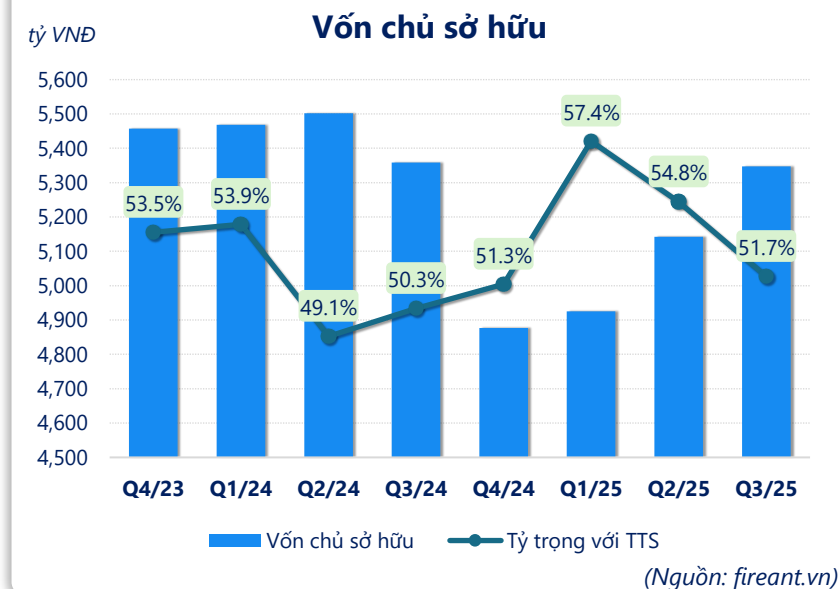
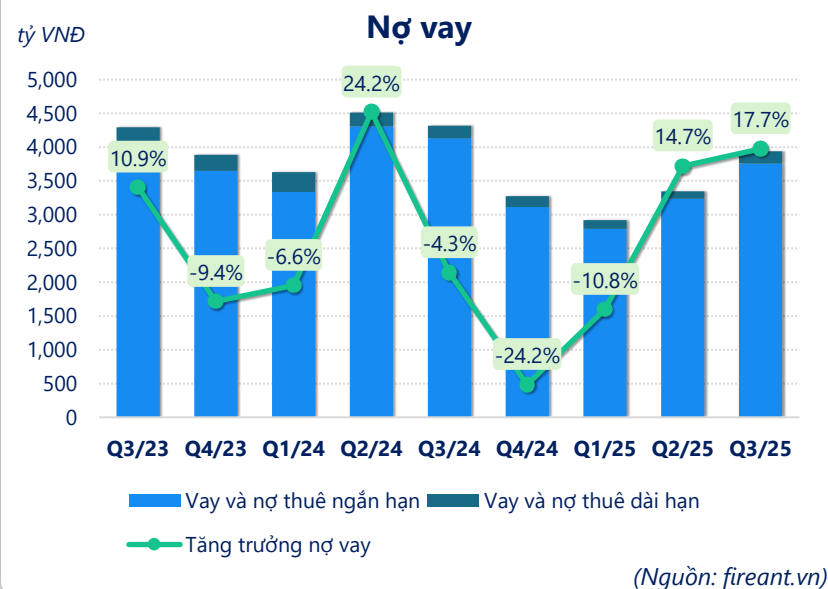
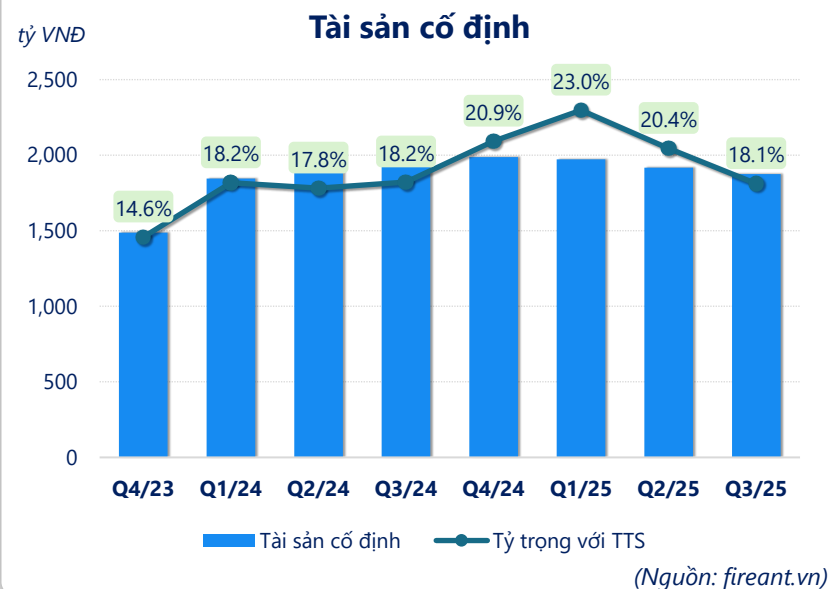
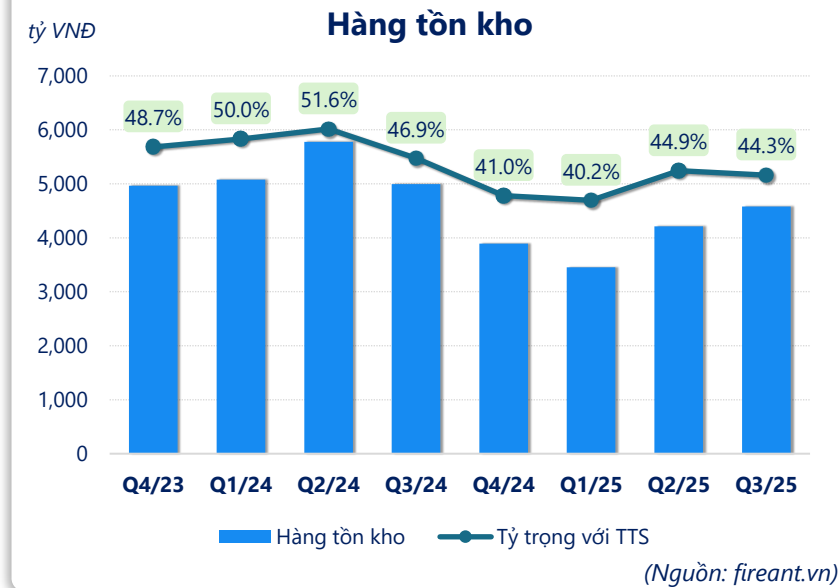
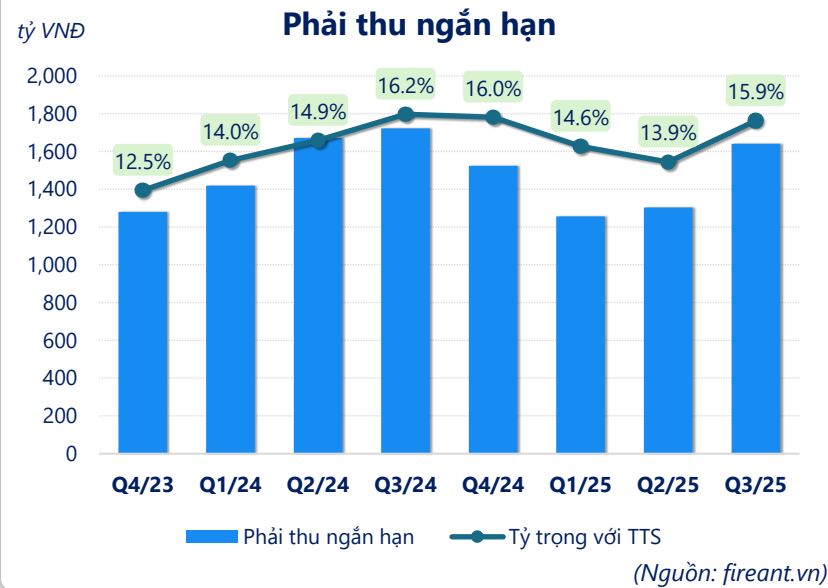
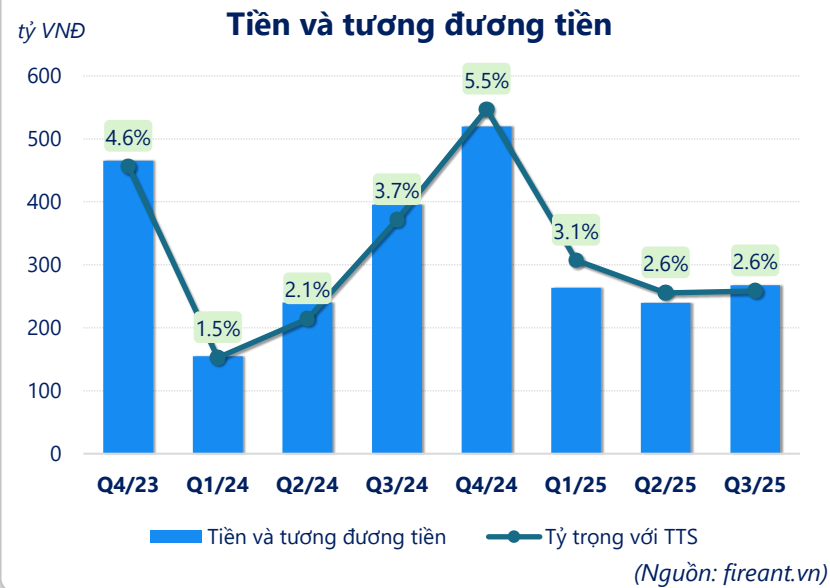
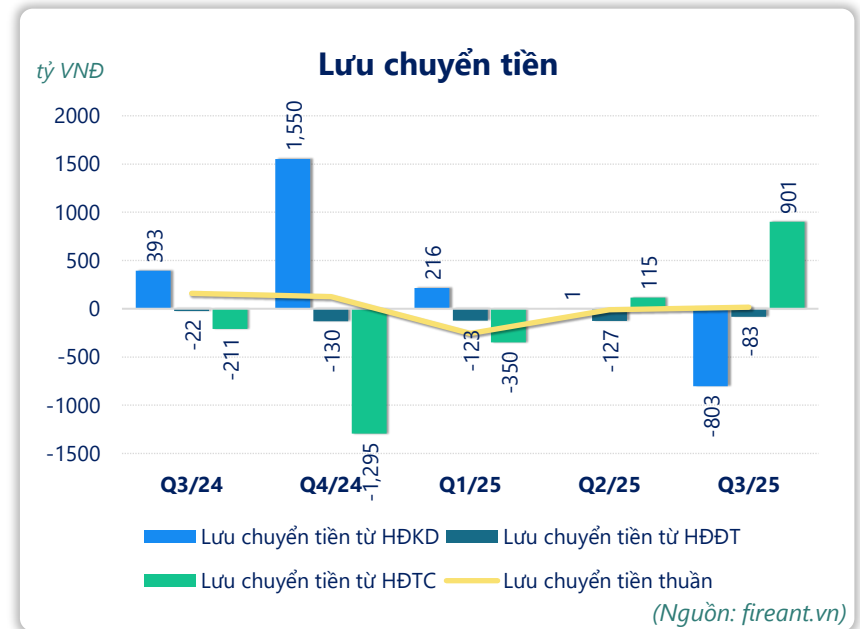
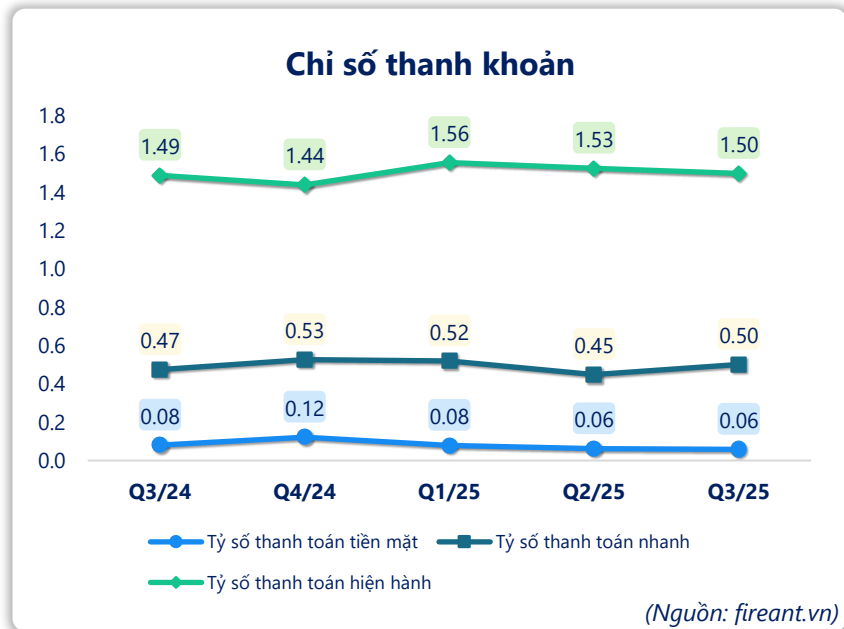
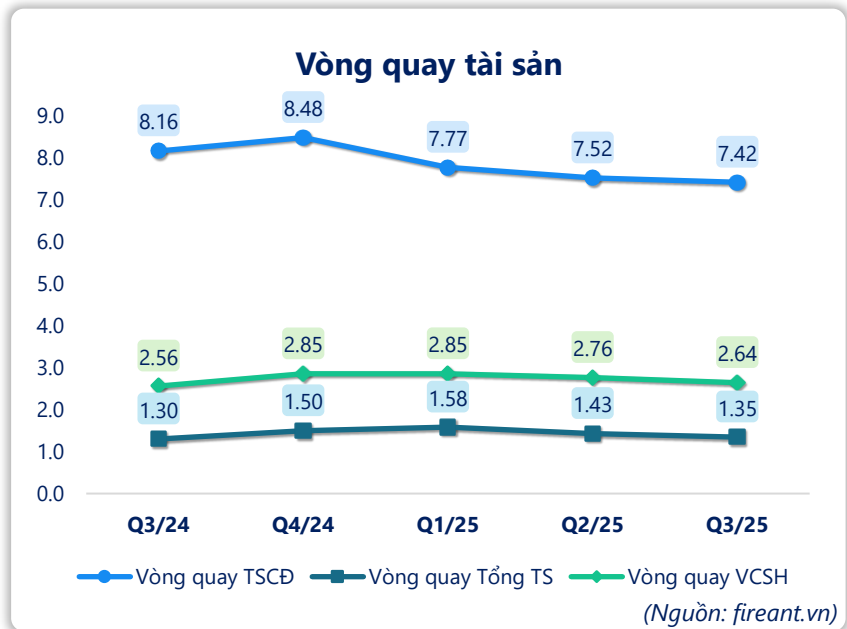
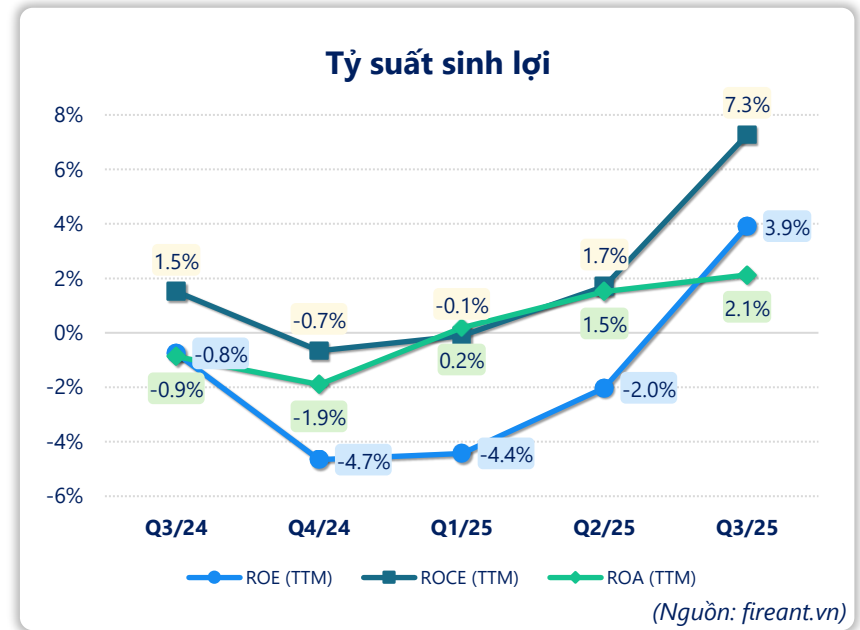
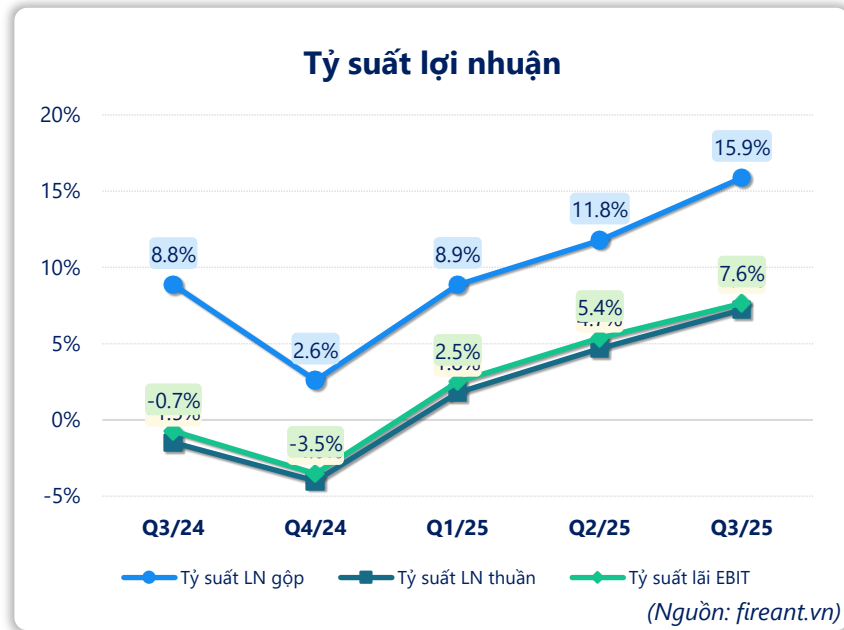
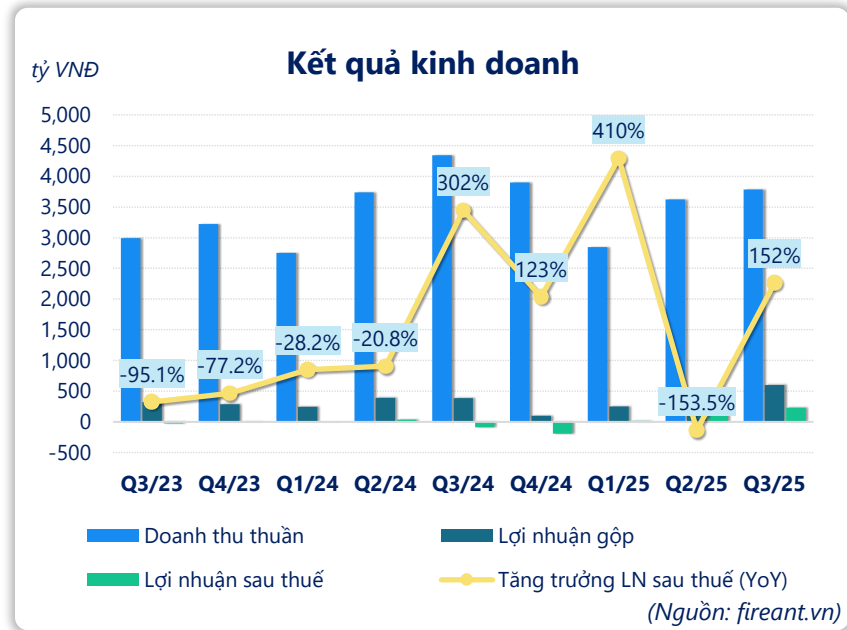


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,100
SL cổ phiếu LH		401,093,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		168,335
% sở hữu nước ngoài		39.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		7,099
P/E		33.9
EPS		522

	YTD	1T	3T	6T
MPC	20.4%	12.0%	25.5%	34.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	10,350	9,537	8.5%
Tài sản ngắn hạn	6,886	6,176	11.5%
Tiền và tương đương tiền	268	520	-48.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.4	15.3	-32.2%
Phải thu ngắn hạn	1,641	1,516	8.2%
Hàng tồn kho	4,581	3,934	16.4%
Tài sản ngắn hạn khác	386	191	102%
Tài sản dài hạn	3,465	3,360	3.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,874	1,988	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,267	1,012	25.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	201	200	0.3%
Tài sản dài hạn khác	123	160	-23.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,003	4,624	8.2%
Nợ ngắn hạn	4,596	4,260	7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,756	3,112	20.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	501	488	2.8%
Nợ dài hạn	407	364	12.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	182	161	13.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,347	4,913	8.8%
Vốn chủ sở hữu	5,347	4,913	8.8%
Vốn điều lệ	4,011	4,009	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	4,344	3,899	2,847	3,621	3,783
Giá vốn hàng bán	3,960	3,797	2,595	3,195	3,182
Lợi nhuận gộp	384	101	252	426	600
Doanh thu HĐTC	8.60	36.2	31.1	36.8	26.8
Chi phí TC	72.3	48.1	56.4	76.7	44.5
Chi phí lãi vay	40.6	35.5	30.0	33.9	38.6
LN trong công ty LKLD	0	7.07	0	5.57	0
Chi phí bán hàng	312	152	111	154	240
Chi phí QLDN	73.0	99.9	64.9	68.6	69.8
LN thuần từ HĐKD	-64.5	-156	50.9	169	273
Lợi nhuận khác	-8.03	-17.0	-9.57	-8.69	-22.7
LN trước thuế	-72.5	-173	41.3	161	250
Lợi nhuận sau thuế	-90.1	-190	17.7	159	228
LNST của CĐ cty mẹ	-93.9	-187	17.7	156	223

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	393	1,550	216	1.40	-803
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.2	-130	-123	-127	-83.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-211	-1,295	-350	115	901
Tiền đầu kỳ	240	396	520	263	240
Lưu chuyển tiền thuần	160	126	-256	-10.5	15.4
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.62	-1.77	-0.15	-13.4	12.7
Tiền cuối kỳ	396	520	263	240	268

(Nguồn: fireant.vn)